

THỨC TỈNH



1. Như là thần thoại

Trước tiên, chúng ta hãy đến một sự kiện có một không hai của thế giới loài người : Sự ra đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là một Bồ Tát *an trú tại cõi trời Tusita* (có người gọi là Đâu Suất) . Sau khi mạng chung (mất), Bồ Tát tái sinh vào thế giới loài người.

Khi Bồ Tát *nhập vào mẫu thai, hào quang vô lượng, hơn hẳn oai lực thần diệu của chư Thiên – tỏa sáng – cùng khắp các thế giới, gồm có : các thế giới ở chư Thiên (cõi trời) ; thế giới của các Ma vương ;*

thế giới Phạm thiên (thần thánh) và thế giới loài Người.

Hào quang vô lượng vô biên của Bồ Tát còn soi sáng đến cả các thế giới tối tăm nhất – *các chúng sanh sống tại những nơi mù mịt này nhờ vậy mới thấy nhau .* Khi ấy, hàng chục ngàn thế giới tăm tối cùng cực này đã rung động, chuyển động mạnh.

Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, bốn vị Thiên tử đến canh gác bốn phương trời để : Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiền nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát.

Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, mẹ Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men

Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm sáng khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương

diện. Bà mang thai mười tháng rồi mới sinh. Bà đứng mà sanh Bô-tát.

Sau khi sanh Bô-tát bảy ngày, mẹ Bô-tát mệnh chung và sanh lên cõi trời Đâu Suất.

Khi Bô-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người".

Khi Bô-tát từ bụng mẹ sanh ra, Bô-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ ! Hoàng Hậu đã sanh ra một bậc vĩ nhân".

Khi Bô-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, ví như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Viên ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô viên ngọc.

Khi Bô-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh,

một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho bà mẹ.

Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương lên tiếng: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời ! Ta là bậc tối tôn ở trên đời" .

(Theo kinh: Hy Hữu Vị Tăng Hữu Pháp (Acchariyabbhutadhammasuttam) – thuộc bộ Kinh Trung Bộ Tập 3)

Câu chuyện về sự ra đời của đức Thế Tôn nêu ở trên là thế nào ? Đó là điều hiển nhiên hay thần thoại ?

Có lẽ rất và rất nhiều người cho rằng đó chỉ là thần thoại. Tuy nhiên, nếu như đó là điều hiển nhiên thì sao ?

Ở đây xem xét vấn đề đã nêu – hiện tượng ra đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni – không chỉ là điều đặc biệt kỳ thú ; không chỉ là điều hi hữu bậc nhất có một không hai – mà đó còn là sự khai sáng về vũ trụ quan cho loài người – vốn luôn phóng ánh nhìn từ rất sâu nơi đáy giếng.

Sự ra đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đó là sự ra đời của một bậc Đạo sư – đạt được trí tuệ tối thượng – đó là trí tuệ Ba-La-Mật. Trí tuệ Ba-La-Mật dựa trên nền tảng là có được Lục Thông. Lục Thông dựa trên nền tảng là phải ra sức tu tập từ rất và rất nhiều đời nhiều kiếp. Với trí tuệ Ba-La-Mật, con người sẽ đến được bến bờ giải thoát và đạt được đạo quả Vô Thượng (cao tột cùng).

Lục Thông, đó là: *Thiên nhãn thông* (sự nhận biết về thế giới là vô cùng vô tận, đó là sự nhận biết về thế giới hết sức nhỏ bé như: vi trùng, vi rút, vi khuẩn ; đó là sự nhận biết về quá khứ và vị lai của tất cả muôn loài chúng sanh ; đó là sự nhận biết đầy đủ và chân thực về *đại thiên thế giới*, trong đó bao gồm: Loài Người ; Súc Sinh ; Địa Ngục ; Ngạ Quỷ ; A-Tu-La và thế giới Thiên) ; *Thiên nhĩ thông* (nghe được tất cả đại thiên thế giới ; nghe được tiếng nói của muôn loài chúng sanh ...) ; *Tha tâm thông* (hiểu biết được tâm niệm tư tưởng của tất cả muôn loài chúng sanh) ; *Túc mạng thông* (biết rõ quá khứ, hiện tại và vị lai của mình và của tất cả muôn loài chúng sanh) ; *Thần túc thông* (được các pháp thần thông biến hóa tự tại) ; *Lậu tận*

thông (trừ sạch hết thủy phiền não, đạt đến cứu cánh giải thoát) .

Sự ra đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni được Ngài Ananda, một trong mười đại đệ tử của đức Phật, thuật lại – đó là sự trần thuật với nhãn quan Thiên Thông Nhân – là một Thông của sáu Thông đã đề cập.

Phải trải qua hàng tỷ năm loài người mới dần được hình thành (các nhà khoa học hiện đại tính ra rằng: tuổi của loài người hiện nay khoảng bốn tỷ năm) – đến khi cách đây trên hai ngàn năm trăm năm – mới có được đạo sư trí tuệ tột bậc ra đời để chăm sóc đời sống tâm linh, giáo hóa chúng sinh – trong cõi Nhân gian – đó là khoảng thời gian đang đấng đờ chờ ...

Đất trời rung chuyển hân hoan cho khoảnh khắc tuyệt diệu ấy ...

Với nhãn quan của nhà Phật, cùng song hành với thế giới loài Người, loài Vật còn có bốn thế giới khác nữa vốn có mối liên hệ nhân-quả, đó là : thế giới Địa Ngục ; thế giới Ngạ Quỷ (cõi Âm) ; thế giới A-Tu-La (Thánh, Thần) và thế giới Thiên (cõi Trời).

Với các thế giới Địa Ngục ; Nga Quỷ ; A-Tu-La và thế giới Thiên, con người không nhận biết được. Gần đây, một số nhà Ngoại cảm đã tiếp cận được phần nào với thế giới Nga Quỷ (cõi Âm), qua đó đã tìm ra được hàng chục ngàn bộ hài cốt chôn sâu dưới đất và bị vùi lấp có khi tận giữa bạt ngàn núi rừng.

Sự ra đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nêu ở trên, có thể với rất nhiều người, đó chỉ là Thần thoại – cho rằng như vậy cũng chẳng sao – chỉ xin rằng, hãy hiểu cho đúng: đây là bậc Đạo sư có trí tuệ siêu việt thuộc hàng bậc nhất – và, hơn hết, đó là bậc Đạo sư đã hết lòng, hết sức vì sự an lạc của muôn loài chúng sinh – trong đó có loài người.

Cũng cần phải nhắc lại và nói thêm rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là một Bồ Tát ở cõi trời *Tusita* (*Đâu Suất*) đã chọn cõi Nhân gian (còn gọi là cõi Ta Bà) để tu thành Phật. Bồ Tát đã trải qua nhiều đời người ở cõi Nhân gian này. Trong kinh Gatikara của bộ Kinh Trung Bộ Tập 2, ghi lại rằng: Một hôm đức Phật đi ngang qua một địa điểm, bất giác Ngài mỉm cười, điều đó khiến Ngài Ananda

thắc mắc và gạn hỏi ... Đức Phật giải thích: nơi này, thời rất xa xưa, “là một thị trấn tên là *Vebhalinga*, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Nay Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác) sống ở đây, dựa vào thị trấn *Vebhalinga*. Ở đây, nay Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, nay Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo...”. Và thế là đức Phật đã kể cho Ngài Ananda về thời tiền kiếp – lúc đức Phật còn là một thanh niên ...

Khi đó, đức Phật là một thanh niên như bao thanh niên khác – mãi mê với những bụi trần – thậm chí có lúc chàng thanh niên ấy (tên là *Jotipala*) còn gọi Thế Tôn Kassapa là ... “đầu trọc”.

Thanh niên *Jotipala* (tiền thân của đức Phật) có bạn chí thân là người thợ gốm tên *Ghatikara*.

Thợ gốm *Ghatikara* là người “từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ rượu men, rượu nẫu. Thợ gốm *Ghatikara* thành tựu lòng

tin bất thối chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, thành tựu các giới được bậc Thánh ái lạc. Thợ gốm Ghatikara không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt...”

Thật may thay, người thợ gốm Ghatikara tìm đủ mọi cách thuyết phục (còn nắm cả tóc lôi đi nữa) bạn chí thân của mình là Jotipala đến gặp Thế Tôn Kassapa. Sau khi nghe Thế Tôn giảng giải – Jotipala bừng tỉnh và đã xin xuất gia ...

Cõi Nhân gian hay gọi là cõi Ta Bà so với những *quốc độ* khác của cõi trời – thì đó là chốn *bụi trần* so với những nơi tinh khiết, thanh cao... Bồ Tát đã chọn cõi Ta Bà – như một chốn bùn lầy này – để ra sức tu tập ... Và, từ chốn bùn nhơ, đóa sen đã vươn mình, tỏa hương thơm ngát ...

2. Quả đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

Để lại sự trần thuật của Ngài Ananda, hãy trở về thế gian để tiếp cận cuộc đời cuối cùng – cuộc đời của một Thái tử ...

Ở đời người cuối cùng, Bồ Tát sinh làm con của vua Tịnh Phạn nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu), mẹ Ngài là Hoàng hậu Ma Da. Nước Ca Tỳ La Vệ là xứ Pipaova ở phía Bắc thành Ba La Nại (Bénares) ngày nay.

Bồ Tát tên Tất Đạt Đa, họ Thích Ca, một chi nhánh của họ Kiều Tất La quý tộc. Tên Ngài nói đủ là Kiều Tất La Thích Ca Tất Đạt Đa (Kosala akya Siddhrtha). Mâu ni có nghĩa là đức tính trong sạch, vắng lặng của Ngài.

Thái tử sinh lúc mặt trời vừa mọc, nhằm ngày trăng tròn tháng hai Ấn Độ, tức là rằm (15) tháng tư âm lịch hiện nay. Ngài sinh vào khoảng 563 năm trước Công nguyên.

Theo tục lệ Ấn Độ, đàn bà có chồng lúc sinh nở phải trở về nhà cha mẹ. Bà Hoàng hậu Ma da trở về nhà, khi đi ngang qua vườn Ngự uyển Lâm tỳ ni của vua Thiện Giác thì sinh Ngài dưới cây Vô ưu.

Thái tử Tất Đạt Đa hết sức khô ngô tuần tú. Ngài có 32 tướng tốt báo trước đó là một vị xuất chúng

Sinh Ngài ra được bảy ngày, mẹ Ngài từ trần. Di Ngài, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đảm nhận việc nuôi nấng, chăm sóc Ngài. Thái tử Tất Đạt Đa rất thông minh, các vị giáo sư danh tiếng dạy Ngài đều phải bái phục.

Thái tử Tất Đạt Đa sống trong nhung lụa và được sự nuông chiều hết mực của vua cha. Xung quanh Ngài luôn có vũ nữ đàn ca xướng hát để làm vui. Tuy nhiên, Thái tử vẫn thường hay trầm tư mặc tưởng. Khi Ngài tỏ với vua cha ý định xuất gia, vua Tịnh Phạn quyết liệt không cho, đồng thời tìm đủ mọi cách ngăn cản chí nguyện xuất gia của Ngài.

Trong những lần du ngoạn ở bốn cửa thành, Thái tử Tất Đạt Đa mục kích những thảm trạng già, bệnh tật, chết ... Ngài cảm thấu được những nỗi thống khổ ấy. Trong lòng Ngài lúc ấy dậy lên một câu hỏi lớn: Đâu là con đường giải thoát mọi sự thống khổ của con người ?

Trước sự quyết liệt từ chối ý định xuất gia của vua cha, trong một đêm, “sau bữa ăn

tối, các nhạc công, vũ nữ và lính canh đều mệt mỏi say ngủ. Ngay cả Da-du-đà-la cùng người con trai La-hầu-la cũng say sưa trong giấc nồng. Thái tử nhìn vợ con và nghĩ: “Ta muốn ôm đũa con trai vào lòng một lần cuối trước khi rời khỏi cung điện, nhưng e rằng sẽ đánh thức Da-du-đà-la và sẽ rất khó cho việc ra đi của ta. Thôi ta phải rời khỏi nơi đây gấp và thật im lặng trước khi mọi người thức giấc”.

Thái tử bước nhẹ nhàng cẩn thận qua những người đang nằm ngủ, đi đến cửa sổ và trèo ra bên ngoài. Chàng đi tới chỗ Xa-nặc, người giữ ngựa đang nằm ngủ và khẽ đánh thức anh ta dậy: “Hãy sửa soạn ngựa cho ta nhanh đi Xa-nặc. Ta muốn đi ngay đêm nay!”

Thái tử và Xa-nặc rời khỏi cung điện. Họ lặng yên phóng ngựa đi trong đêm tối. Đến ranh giới của thành phố, thái tử nhìn lại và phát nguyện: “Nếu ta không chinh phục được tất cả khổ đau, ta sẽ không trở lại thành phố Ca-tỳ-la-vệ xinh đẹp này!”.

Họ cưỡi ngựa suốt đêm. Khi mặt trời vừa mọc, họ đã tới cánh rừng yên tĩnh, nơi có

rất nhiều đạo sĩ ẩn tu. Thái tử rất sung sướng và nghĩ: “Bây giờ, cuộc tìm đạo của ta bắt đầu”. Rồi chàng quay qua Xa-nặc nói: “Xa-nặc, ta rất cảm ơn sự giúp đỡ của bạn. Ta đã tới nơi mà ta mong muốn. Bây giờ là lúc bạn và con ngựa trở về cung điện được rồi!” (Theo “Lược truyện Đức Phật Thích Ca” – dịch giả: Thượng Tọa Thích Chân Tính) .

Năm ấy, Thái tử Tất Đạt Đa rời bỏ cung điện ra đi khi 19 tuổi. Từ đây, Thái tử đã trở thành đạo sĩ, dần thân trên con đường tìm đạo, học đạo.

Trong kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanasuttam) và kinh Bồ Đề Vương Tử (Bodhirajakumarasuttam) – thuộc bộ Kinh Trung Bộ – Tập 1 & Tập 2 – Thế Tôn thuật lại như sau:

“Ta đến chỗ Alara Kalama. (Sau khi thừa chuyện với Tu sĩ) Ta suy nghĩ: Không phải chỉ có Alara Kalam có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tuệ, Ta cũng có tuệ.

Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Alara Kalama tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú". Rồi này Vương tử, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú".

Vị Tu sĩ thấy Thế Tôn học pháp và thành tựu mau chóng như vậy, hết sức kính nể, tỏ ý mong muốn Thế Tôn hãy ở lại, cùng vị Tu sĩ phát triển môn pháp. Thế nhưng:

"Rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yếm ly (lìa bỏ thế sự), không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ". Như vậy này Vương tử, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta ra đi".

"Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta. (Sau khi thừa chuyện với Tu sĩ) Ta suy nghĩ: Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta mới có niệm, Ta cũng

có niệm. Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Uddaka Ramaputta tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú". Rồi này Vương tử, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú".

Vị Tu sĩ thấy Thế Tôn học pháp và thành tựu mau chóng như vậy, hết sức kính nể, tỏ ý mong muốn Thế Tôn hãy ở lại, cùng vị Tu sĩ phát triển môn pháp. Thế nhưng:

"Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ". Như vậy, này Vương tử, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi".

Như vậy, trong hành trình tìm đạo và học đạo của Thế Tôn, Ngài đã gặp những bậc Tu sĩ – với những pháp môn tu luyện

nhằm đạt đến những cảnh giới “tuyệt diệu”.

Đầu tiên, đó là Tu sĩ Alara Kalama, cả đời vị Tu sĩ này tu luyện cũng chỉ mong đạt được ước nguyện chứng đắc đạo quả *Vô sở hữu xứ*. Nếu chứng được đạo quả này Alara Kalama sẽ sinh ra ở cõi trời vô hữu nơi không còn sự phân biệt. Đặc biệt, Thọ mệnh trong cõi trời này có thể dài đến 60.000 đại kiếp – tức khoảng hàng sáu mươi tỷ năm.

Kế đến, là Tu sĩ Uddaka Ramaputta, cả đời vị tu sĩ này tu luyện cũng chỉ mong đạt được ước nguyện chứng đắc đạo quả *Phi tướng phi phi tướng xứ*. Nếu chứng được đạo quả này Uddaka Ramaputta sẽ sinh ra ở cõi trời vô tướng, nơi chỉ còn trí trực giác chứ không còn suy tưởng. Thọ mệnh trong cõi trời này có thể kéo dài đến 80.000 đại kiếp – tức khoảng hàng tám mươi tỷ năm.

Vô sở hữu xứ và *Phi tướng phi phi tướng xứ* thuộc *Tứ Không xứ* (bốn cõi không), bao gồm lần lượt từ thấp đến cao: *Không Vô Biên Xứ* ; *Thức Vô Biên Xứ* ; *Vô sở hữu xứ* và *Phi tướng phi phi tướng xứ*

Không Vô Biên Xứ là cõi trời vô biên nơi mà tâm trở nên vắng lặng và vô tận như hư không. Thọ mệnh trong cõi

trời này có thể dài đến 20.000 đại kiếp – tức khoảng hàng hai mươi tỷ năm.

Thức Vô Biên Xứ là cõi trời vô tận trí nơi mà khả năng hiểu biết và thâm thấu là vô tận. Thọ mệnh trong cõi trời này có thể kéo dài đến 40.000 đại kiếp – tức khoảng hàng bốn mươi tỷ năm.

Cho dù ở cả hai cõi trời trên, tuổi thọ lên đến hàng chục tỷ năm (so với cõi Ta Bà này) nhưng vẫn còn trong vòng sinh tử luân hồi – chưa phải là con đường giải thoát – chưa chấm dứt vĩnh viễn mọi sự khổ – vì vậy Thế Tôn bỏ đi – có thể là trước sự tiếc nuối đến đứt ruột và sự sững sốt ngạc nhiên của Alara Kalama và Uddaka Ramaputta . Ở đây cũng xin nói thêm: có những cõi trời, một ngày ở trên cõi trời ấy bằng hàng trăm năm hoặc hàng ngàn năm hoặc bằng hàng triệu năm ở thế gian. Vì vậy, như hai tu sĩ Alara Kalama và Uddaka Ramaputta thì khi sanh về những nơi đã đề cập, tuổi thọ của họ cũng chỉ đến vài trăm tuổi hoặc giả vài ngàn tuổi rồi cũng phải trải qua: *già, bệnh và chết*.

Thực ra, Thế Tôn đã từng tu Tiên (ở cõi trời) rất nhiều kiếp rồi – và, cũng thực ra, Thế Tôn đã từ cõi trời nguyện sinh vào

chón “bùn lầy” Ta Bà này ... Từ chón
sinh lầy, đóa hoa sen nở ra thơm ngát !

Trở lại cuộc hành trình đạt đến quả đạo
Vô Thượng của Như Lai. Ngài tiếp tục kể
:

*“Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tự mình bị
sinh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái
bị sinh, tìm cầu cái không sinh, vô
thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn
và đã chứng được cái không sinh, vô
thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;
Tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy
hại của cái bị già, tìm cầu cái không già,
vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-
bàn; và đã chứng được cái không già, vô
thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;
Tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy
hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không
bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách,
Niết-bàn và đã chứng được cái không
bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách,
Niết-bàn;
Tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy
hại của cái bị chết, tìm cầu cái không
chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách,
Niết-bàn và đã chứng được cái không
chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách,
Niết-bàn;*

Tự mình bị sâu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sâu, tìm cầu cái không sâu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái vô sâu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;
Tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

Và trí và kiến khởi lên nơi Ta.

Sự giải thoát của Ta không bị dao động.

Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa”.

Thế Tôn cho rằng: con người, có hai điều mong muốn, đó là: *Thánh cầu* và *Phi thánh cầu*.

Phi thánh cầu, đó là những mong muốn: vợ đẹp, con ngoan, nhà lầu, xe hơi ...
Thánh cầu, đó là sự mong muốn – tránh những mong muốn của *Phi Thánh cầu*.

Cầu ở đây không có nghĩa là cầu xin – mà đó là ước nguyện. Ước nguyện này được nung nấu bằng niềm tin, ý chí, nghị lực qua đó nhằm đạt đến sở nguyện. Với *Phi Thánh cầu*, đó là ước muốn giàu sang, quyền lực ... và đôi khi có những người

bấp cháp tất cả để đạt được sở nguyện bằng mọi giá.

Phi thánh cầu là: một người đang *bị* một “gánh nặng”, lại choàng thêm “gánh nặng” ; một người đang *bị* một “sâu khổ”, lại choàng thêm “sâu khổ” ...

Cụ thể hơn, đó là: một người đang *bị* “sanh”, lại choàng thêm cũng một *bị* “sanh” ; một người đang *bị* “bệnh”, lại choàng thêm cũng một *bị* “bệnh” ; một người đang *bị* “già”, lại choàng thêm cũng một *bị* “già” ; một người đang *bị* “chết”, lại choàng thêm cũng một *bị* “chết” ; một người đang *bị* “sâu”, lại choàng thêm cũng một *bị* “sâu” ; một người đang *bị* “ô nhiễm”, lại choàng thêm cũng một *bị* “ô nhiễm” .

Ai sanh, ai bệnh, ai già, ai chết, ai sâu, ai ô nhiễm ? Đó là: vợ, con, tài sản, ruộng, vườn, trâu, bò v.v...

Để cụ thể hơn nữa, ví như, một người, đang nhàn hạ, thanh thoi – “bỗng dưng” lại rước một chú “chó yêu” về nhà, thế là: một người đang *bị* “ăn”, lại choàng thêm cũng một *bị* “ăn” ; một người đang *bị* “tắm”, lại choàng thêm cũng một *bị* “tắm” ; một người đang *bị* “bệnh”, lại choàng

thêm cũng một *bị* “bệnh” ; một người đang *bị* “chết”, lại choàng thêm cũng một *bị* “chết” ... Chú chó yêu chết, nên rất là sầu khổ.

Rồi ví như, một người rút tiền tiết kiệm mua vàng miếng về nhà, thế là: một người đang *bị* “lo”, lại choàng thêm cũng một *bị* “lo” – giá vàng lên, giá vàng xuống ... vì vậy mà chẳng thể nào yên .

Rồi lại ví như, một người rút tiền tiết kiệm mua một chiếc xe gắn máy đắt tiền, thế là: một người đang *bị* “sợ”, lại choàng thêm cũng một *bị* “sợ” – vào quán ăn bên hè, dựng xe trên lề đường, ngồi gấp miếng bánh chưa kịp bỏ vào mồm đã phải vội phóng tia chớp mắt vào chiếc xe ... vì vậy mà chẳng thể nào yên .

Đề không còn *bị sanh* ; *bị già* ; *bị bệnh* ; *bị chết* ; *bị ô nhiễm* ; *bị sầu* ; *bị khổ* Thế Tôn đã “*cầu*” những thứ *không bị sanh* ; *không bị già* ; *không bị bệnh* ; *không bị chết* ; *không bị ô nhiễm* ; *không bị sầu* ; *không bị khổ*.

Thế gian này, hiện tại và rất lâu về sau (*bắt đầu từ thời Mạt Pháp đến khi Pháp Diệt tận*), tuyệt đại đa số sẽ vẫn còn cầu

những thứ *Phi thánh cầu*, đó là những thứ nặng về vật chất: vợ đẹp, nhà lầu, xe hơi ... với cuộc sống hết sức xa hoa, phóng túng ... Thực ra, trong chừng mực nhất định, sự mong cầu này, suy cho cùng, cũng chẳng phải là sự mong cầu không chính đáng. Sự thật là, để đạt được cứu cánh giải thoát – không thể như “mì ăn liền” – đó là cả một quá trình tu tập – quá trình này, đơn vị thời gian được tính tính bằng rất nhiều đời, nhiều kiếp. Tuy nhiên, để việc *Phi thánh cầu* ấy đạt được kết quả một cách thỏa đáng – lại phải dựa vào pháp Phật (*đã trình bày, xem thêm ở kinh: “Đạo Phật Thuần Khiết” trong website chuàNet – chuanet.org*). Ở đây, nhất thiết phải xin nói thêm cho rõ, sự thật hiển nhiên, tất yếu và khách quan là: nếu một người thực hành theo Phật Pháp: giữ nghiêm giới luật: *không sát sinh ; không trộm cắp ; không tà dâm ; không uống rượu ; không nói dối, không đặt điều, nói hai lời* – và luôn thực hành việc *bố thí: Pháp thí hoặc Tâm thí hoặc Tài thí* hoặc cả hai hoặc cả ba – thì không cầu *Phi thánh cầu* kết quả hiển nhiên sẽ phải là kết quả của việc cầu *Phi thánh cầu* – chỉ đến khi đó, “nhu cầu” sẽ từng bước đòi hỏi cao hơn – cho đến lúc không còn màng đến những thứ vật chất xa hoa phù

phẩm ấy nữa. Nói một cách khác, những ai thuộc tầng lớp nghèo hèn, *Hạ liệt* với trí tuệ kém cỏi (trừ những trường hợp quá đặc biệt) – khó có thể vươn tới mong cầu cứu cánh giải thoát, tức khó cầu được *Thánh cầu*. Nếu vẫn còn là con người thuộc đáy xã hội thì việc cầu *Thánh cầu* có khi là hoang tưởng cũng giống như việc đòi hỏi phải xả bỏ *an lạc* trong khi chẳng có được giây phút *an lạc* nào. Những người này, trước hết, họ cần phải cầu (thực hành) các pháp để vươn tới thuộc tầng lớp cao, *Thượng đẳng*, với trí tuệ ưu việt – để từ nền tảng này, họ mới có thể vươn tới tầm cao hơn nữa, đạt đến chuyện: *Thánh cầu*. Ở điểm này, nếu không đạt được chuẩn mực như Thái tử Tất Đạt Đa – vì quá cao – thì chí ít – cũng phải là những người được xã hội tôn quý.

Trở lại con đường đạt đạo quả Vô thượng của Như Lai ...

Như chúng ta đã biết, trước khi Thế Tôn đạt đạo quả Vô Thượng, Ngài còn có một thời gian dài sáu năm tu khổ hạnh ở rừng Ưu Lô Tần Loa xứ Phật Đà Già Da (Bouddhagaya) . Thời gian này, Ngài ép xác, một ngày chỉ ăn một hạt mè, hạt gạo.

Cuối cùng, Ngài nhận thấy lối tu khổ hạnh ấy không phải là lối tu giải thoát. Từ tám thân gầy guộc da bọc xương, Ngài nhận bát sữa của nàng Tu Xà Đề dâng cúng. Cũng từ đây, nổi thống khổ đã chấm dứt, không còn dày xéo thân xác Ngài. Khi đã bình phục, một hôm, Ngài đến dưới cội bồ đề, ngồi trên thảm tọa và phát nguyện: "Nếu không tìm ra chân lý thì thà chết, nhất định không rời thảm tọa".

Trải qua bốn mươi chín ngày đêm thiền định, mặc cho Ma Vương bày đủ trò để ngăn cản con đường tu luyện của Ngài, đến ngày thứ bốn mươi chín, vào đầu đêm, Ngài chứng được *Túc Mạng Thông*, thấy rõ những đời quá khứ, hiện tại, vị lai ; vào nửa đêm, Ngài chứng được *Thiên Nhãn Thông*, thấy được tất cả các cõi của vũ trụ bao la ; rồi lần lượt Ngài chứng *Thần Túc Thông* ; *Thiên Nhĩ Thông* ; *Tha Tâm Thông*, cuối đêm vào lúc sao mai mọc, Ngài chứng được *Lậu Tận Thông*, để trở thành đấng Giác Ngộ.

3. Tứ Thánh Đế và Chánh Pháp (Bát Chánh Đạo)

Thế Tôn trở thành đấng Giác Ngộ với trí tuệ tối thượng – trí tuệ Ba-La-Mật-Đa.

Với trí tuệ này, sự nhận biết của Thế Tôn là vô cùng vô tận – sự nhận thức ấy là quá bao la, quá sâu sắc, quá chân thực ... đến mức – một người đã thông tuệ như Ngài cũng phải tỏ ra rất mực băn khoăn. Trong kinh Thánh Cầu đã ghi chép lại bộc bạch của Thế Tôn:

"Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được chân lý".

"Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bực mình cho Ta!"

Rất may lúc ấy có Phạm Thiên (ngự ở cõi trời) nhận biết được điều này đã khuyên can:

"Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp".

Như Lai dùng Mắt Phật nhìn thấu suốt cõi nhân gian, thấy rằng, quả thật, ở trần gian cũng vẫn có người ít nhiễm bụi trần:

“Này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời ; nhiều nhiễm bụi đời ; có hạng lợi căn ; có hạng độn căn ; có hạng thiện tánh ; có hạng ác tánh ; có hạng dễ dạy ; có hạng khó dạy ; và một số: ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác nên làm những hành động lỗi lầm”.

Và, cuối cùng, Thế Tôn quyết định truyền bá pháp Phật. Đây là một quyết định – tựa như Ngài đã ban tặng cho loài người một bảo vật quý – không gì có thể so sánh được. Cho dù những gì Thế Tôn chỉ dạy – chỉ là *“năm lá trong lòng bàn tay”* – so với tồn tại khách quan mà Ngài nhận biết được – như *“lá của bạt ngàn rừng cây”* – song, *năm lá* ấy là những gì tinh túy nhất giúp loài người thoát khổ – vĩnh viễn thoát mọi sự khổ.

Thoạt tiên, Thế Tôn định thuyết pháp cho hai vị Tu sĩ mà Ngài đã từng học đạo, song, cả hai đều đã qua đời. Lúc ấy Thế Tôn nghĩ: *“Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?”* Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: *“Nhóm*

năm Tỷ-kheo này đã hầu hạ Ta khi Ta còn nỗ lực tinh cần, nhóm ấy thật giúp ích nhiều. Vậy ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho nhóm năm Tỷ-kheo!". Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay nhóm năm Tỷ-kheo ở tại đâu?" Này các Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy nhóm năm Tỷ-kheo hiện ở Baranasi (Ba la nại), tại Isipatana, vườn Lộc Uyển. Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi ở tại Uruvela lâu cho đến khi mãn ý, Ta lên đường đi đến Baranasi.

Tại vườn Lộc Uyển, một nhóm năm Tỷ kheo được Thế Tôn chọn. Trong buổi đầu tiên thuyết pháp, hai trong số năm Tỷ kheo ấy được vinh dự nghe những lời đầu tiên. Ba người kia phải đi khát thực cho tổng cộng sáu người ăn . Hôm sau, hai Tỷ kheo kia, thay phiên, đi khát thực, ba Tỷ kheo ở nhà, là những người kế tiếp được nghe Thế Tôn giảng dạy.

Nội dung Thế Tôn giảng dạy cho năm vị Tỷ kheo đầu tiên là Tứ Thánh Đế . Tứ Thánh Đế được xem là nền tảng, là những nội dung thể hiện tư tưởng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni một cách vừa toàn diện cũng vừa là khái quát nhất. Tư tưởng ấy là: mang đến cho loài người một phương

pháp loại trừ sự khổ, từ đó được nắm chặt hạnh phúc trong lòng bàn tay ... và cuối cùng đi đến vĩnh viễn thoát khổ. Tứ Thánh Đế gồm: **Khổ Thánh Đế** – đề cập đến: nhận diện sự khổ ; **Khổ Tập Thánh Đế** – đề cập đến: nguyên nhân sự khổ ; **Khổ Diệt Thánh Đế** – đề cập đến: tiêu trừ sự khổ ; **Khổ Đạo Thánh đế** đề cập đến: cứu cánh giải thoát, vĩnh viễn không còn khổ.

Về Tứ Thánh Đế hay còn gọi là Tứ Diệu Đế đã được Thế Tôn mật ý cho Ngài Xá Lợi Phất – một trong thập đại đệ tử của Thế Tôn – giảng dạy. Đây là một bài giảng xuất sắc, tinh tế, gọn gàng và rất đầy đủ, xin giới thiệu (trích từ kinh “*Phân Biệt Về Sự Thật*” – thuộc bộ Kinh Trung Bộ – Tập 3):

– *Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba la nại... sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Diệt Đạo Thánh Đế.*

Và này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh Đế ? Sanh là khổ, già là khổ, (bệnh là

khổ), chết là khổ, sâu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh ? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

Này chư Hiền, thế nào là già ? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, thế nào là chết ? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này chư Hiền như vậy gọi là chết.

Này chư Hiền, thế nào là sâu ? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sâu của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là sâu.

Này chư Hiền, thế nào là bi ? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này

hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là bi.

Này chư Hiền, thế nào là khổ ? Đây chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là ưu ? Đây chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

Này chư Hiền, thế nào là não ? Đây chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là não.

Này chư Hiền, thế nào là cầu bất đắc khổ ? Đây chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu : "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối ! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Đây chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi

phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sâu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu : "Mong rằng ta khỏi bị sâu, bi, khổ, ưu, não chi phối !" Mong rằng ta khỏi đưng chịu sâu, bi, khổ, ưu não !" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư Hiền, như thế nào là tóm lại, năm thủ uẩn là khổ ? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, như vậy tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ Tập Thánh Đế ? Sự tham ái đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

Này chư Hiền, và thế nào là Khổ Diệt Thánh đế ? Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ Diệt Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ Đạo Thánh đế ? Đó là Thánh Đạo Tám Ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ,

Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

*Này chư Hiền, thế nào là Chánh tri kiến ?
Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tri kiến.*

*Này chư Hiền, thế nào là Chánh tư duy ?
Tư duy về lý dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tư duy.*

*Này chư Hiền, thế nào là Chánh ngữ ?
Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh ngữ.*

*Này chư Hiền, thế nào là Chánh nghiệp ?
Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh nghiệp.*

*Này chư Hiền, thế nào là Chánh mạng ?
Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng.
Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh mạng.*

Này chư Hiền, và thế nào là Chánh tinh tấn ? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với cái ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh niệm ? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời ; Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán cảm thọ trên các cảm thọ ; Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán tâm trên các tâm ; Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, Chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh niệm.

*Này chư Hiền, thế nào là Chánh định ?
Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly
ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ
nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh,
vời tâm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tâm,
diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một
trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm,
không tứ, nội tĩnh nhất tâm, (Tỷ-kheo) ly
hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm
sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả
niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba
(Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã
cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư,
không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.
Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh định.*

*Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ Đạo
Thánh Đế.*

*Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được
Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác
chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư
Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-
môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương),
Phạm thiên hay một ai ở đời có thể
chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị,
tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng,
phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.*

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

Quả là *Tứ Thánh Đế* được Ngài Xá-Lợi-Phất giảng giải một cách hết sức súc tích, cụ thể, tinh thông .

Như có lần đã đề cập, *Chánh*, có nghĩa là sự *đúng*. Tuy nhiên, như thế nào mới được gọi là *đúng* ? Với nền văn hóa, văn minh này thì xem vấn đề này là *đúng*, song với nền văn hóa, văn minh khác thì xem vấn đề ấy là sai. Vì vậy, sự *đúng* phải luôn gắn chặt với tính *thiện*. Song, như thế nào mới được gọi là *thiện* ? Với nền văn hóa, văn minh này thì xem vấn đề này là *thiện*, song với nền văn hóa, văn minh khác thì xem vấn đề ấy là *bất thiện*. Vì vậy, *thiện*, với nhà Phật phải là: “*Vì sự an lạc của mình và của người ở hiện tại lẫn mai sau*” (khái niệm *mai sau* của nhà Phật là ở đời này lẫn cả những đời, kiếp sau).

Trong phần *Khổ Đạo Thánh Đế*, Ngài Xá-Lợi-Phất không chỉ thuyết rõ về nội dung *Chánh pháp* (*Bát Chánh Đạo*) một cách mạch lạc – mà còn cho thấy rõ con đường diệt trừ khổ đi đến cứu cánh Niết Bàn, đó

là : *Chánh Pháp – Thánh Đạo Tám Ngành* (*Bát Chánh Đạo*).

Chánh tri kiến, đó là sự thấy, nhận biết chân thật, khách quan. Chúng ta vì chưa đạt được *Nhãn thông* nên sự biết của chúng ta cũng chỉ tựa như kẻ mù lòa (vì là “kẻ mù sờ voi” nên hay cãi). Ở đây, Ngài Xá Lợi Phất đã khu trú khái niệm lại, chỉ còn trong giới hạn về *Tứ Diệu Đế*: *Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tri kiến.*

Chánh Tư Duy, đó là cả một hệ thống suy nghĩ, lý luận chân thật, khách quan. Chúng ta vì chưa đạt được *Nhãn thông* nên hệ thống suy nghĩ, lý luận của chúng ta gọi là chân thật, khách quan song chẳng phải là chân thật, khách quan. Ở đây, Ngài Xá Lợi Phất đã khu trú khái niệm lại, chỉ còn trong giới hạn về *ly dục ; ly sân ; ly bất thiện pháp*: *Này chư Hiền, Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tư duy.*

Chánh ngữ, mọi lời nói đúng đắn. Ngài Xá Lợi Phất đã khu trú, giới hạn và cụ thể hóa khái niệm: *Này chư Hiền, thế nào là Chánh ngữ ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh ngữ.*

Chánh nghiệp, là mọi hành động chân chánh (đúng đắn). Ở đây Ngài Xá Lợi Phất đã khu trú, giới hạn và cụ thể hóa khái niệm: *Này chư Hiền, thế nào là Chánh nghiệp ? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh nghiệp.*

Chánh mạng , đó là sự sống của (sinh mạng) mỗi người. Để nuôi sống bản thân, mỗi người tự chọn nghề cho mình. Có người làm thợ mộc, có người là thợ may ... Đức Phật đã từng khuyên : hãy không nên làm các nghề: nghề buôn bán vũ khí ; nghề buôn bán người ; nghề buôn bán sinh vật ; nghề buôn bán chất độc và nghề buôn bán rượu. Hành năm nghề này gọi là *tà mạng*, sau khi chết có nhiều nguy cơ sinh vào cõi dữ: Địa Ngục ; Súc Sanh ; Ngạ Quỷ.

*Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ
tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng.
Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh
mạng.*

*Chánh tinh tấn, Ngài Xá Lợi Phất đã nói
rõ.*

*Chánh niệm, đó là mọi ý nghĩ khởi lên
(chưa thành một hệ thống) đã phải được
kiểm soát để đưa về, hướng tới sự đúng.
Trong muôn vàn phương pháp Phật có
phương pháp gọi là quán chiếu. Tức “nhìn
sâu” vào bản chất của sự vật, hiện tượng.
Quán thân trên thân, tức “nhìn sâu” vào
thân thể mình để thấy bản chất của nó là
bất tịnh (không sạch). Quán cảm thọ trên
các cảm thọ để thấy bản chất của các cảm
giác đều sẽ biến đổi, không trường tồn.
Quán tâm trên tâm để thấy bản chất của
tâm là mầm sinh các điều ác (Bát Đại
Nhân Giác Kinh) . Quán Pháp trên các
Pháp để thấy các pháp chỉ là phương tiện.
Nhờ có Chánh niệm để chế ngự tham ưu
ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là
Chánh niệm.*

Chánh định, Ngài Xá Lợi Phất đã nói rõ.

Thực ra, Bát Chánh Đạo là con đường không chỉ dành cho những người con Phật. Bất kể ai, bất kể tôn giáo, đảng phái nào – nếu thành tựu được tám ngành trong Bát Chánh Đạo đều sẽ vĩnh viễn không còn gặp phải sự thống khổ.

4. Thức tỉnh từ trong Vô minh

Trải qua một chặng đường khá dài, đến đây, có lẽ chúng ta nhận thức được rằng: đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong đời người cuối cùng, đã phải nếm trải rất nhiều gian nan để mới đạt được ước nguyện: cứu cánh Niết Bàn, vĩnh viễn thoát khổ. Không những vậy, Ngài đã đạt trên cả sở nguyện: chứng quả đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Đến đây, chúng ta cũng không thể không nhận thức được rằng: Những gì Thế Tôn để lại, trao cho chúng ta – là cả một tài sản quý giá không có gì so sánh được – tài sản ấy không ngoài gì khác, đó là: những lời giáo hóa vàng ngọc.

Trong triết lý “*Thập Nhị Nhân Duyên*”, Thế Tôn đã chỉ ra rằng: *Vô minh* đó là

nguồn cội, là gốc rễ, là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến sự khổ.

Vô minh, đó là hiển nhiên, là tất yếu của muôn loài chúng sinh – trong đó có con người. *Vô minh* là thuộc tính của con người – nên bản chất của con người là bảo thủ. Thể hiện sự bảo thủ là dương cái tôi “*trương phình*” của mình ra (lời của Thượng Tọa Thích Nhật Từ). Cái tôi (*Ngã*) của con người thật sự là khủng khiếp. Một khi dương cái tôi ra – cái tôi ấy lại chứa đựng hỏa diệm sơn của cái *sân*, thì, người khác nói đựng vào một câu, hỏa diệm sơn phun trào ... chỉ là câu nói thôi – nhưng, có khi đòi lấy cả mạng người ! Vì vậy, người chọn con đường tu Phật ngày đêm là phải diệt trừ bản *ngã* – cái tôi *trương phình* ấy. Trong Chú giải kinh Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa (kinh Kim Cang) cũng đã đề cập rất sâu về vấn đề này: Phá bỏ “thành tri” đặc biệt kiên cố của cái *Ngã*. Khi phá bỏ được cái *Ngã* (phá bỏ từ từ – có khi là từng “mảnh” nhỏ một) thì trong đêm đen cùng cực của *Vô minh* – mới le lói được ánh sáng của chân lý. Chân lý bừng sáng khi cái *ngã* lụi tàn.

Ánh sáng chân lý – đó là hiện thực khách quan – thật sự đây mới là hiện thực khách quan (có rất nhiều thứ triết lý, triết học tự xưng là khách quan, song sự thật không phải là như vậy). Ánh sáng chân lý của hiện thực khách quan – là những gì Như Lai đã chỉ bảo. Những gì chỉ bảo của Như Lai – *không phải là của Như Lai ; không phải là Như Lai ; không phải là bản ngã của Như Lai*. Như Lai chỉ giúp con người nhận ra một phần rất nhỏ những tồn tại khách quan – hiển nhiên đã xảy ra ; đang xảy ra ; và sẽ xảy ra – cho dù có Phật hay không có Phật.

Thế nhưng, việc tiếp cận chân lý này lại không đơn giản và dễ dàng. Từ đó mới thấy rằng: *Vô minh* như là một khối đen, đặc quánh, bám thật chặt vào con người. Tại sao ? Bởi, *Vô minh*, chẳng gì khác – đó là “ký sinh” nơi con người. Chỉ có ánh sáng chân lý mới có thể xóa bỏ màn đêm, diệt tận gốc loài “ký sinh” đáng sợ ấy.

Hãy thức tỉnh để đến với Như Lai.

Ở đây là một tâm hồn thức tỉnh. Nhờ vậy, đã đón nhận được tài sản quý báu của Như Lai – vốn là những lời giáo hóa vàng ngọc . Sự đón nhận này với tinh thần tín

cẩn, trân trọng – để ngày đêm tinh tấn thực hiện những chỉ dạy của Ngài . Cũng nhờ vậy – đã được dẫn *trú trong an lạc* . Được dẫn *trú trong an lạc* – ngay tại cõi đời này.

Tâm hồn thức tỉnh này ước nguyện – tha thiết – chẳng có ước nguyện nào tha thiết hơn – đó là: mong những tâm hồn khác, nhanh chóng thoát khỏi *Vô minh* để cùng tỉnh thức ; để cùng được *trú trong an lạc* và cùng đi đến cứu cánh Niết Bàn.

PHAN TÙNG CHÂU

(01/01/2017)